

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Về việc báo giá đồ vải y tế năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp.

Trước hết Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của các đơn vị, nhà cung cấp với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện Quân y 103 có nhu cầu mua sắm đồ vải y tế năm 2024 phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện.

Để có cơ sở lập dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Bệnh viện Quân y 103 kính mời các đơn vị, nhà cung cấp có khả năng cung cấp đồ vải y tế gửi báo giá về Bệnh viện Quân y 103 theo các thông tin sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Quân y 103
- Địa chỉ: Số 261, đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ người trực tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Trung tá Cù Xuân Tỉnh
- Chức vụ: Trưởng ban Quân nhu/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật.
- Số điện thoại liên hệ: 0977466969

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại: Ban Quân nhu/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bệnh viện Quân y 103. Địa chỉ: số 261 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải thông tin đến hết ngày 30/8/2024.

5. Thời hạn hiệu lực tối thiểu của báo giá: 90 ngày, kể từ ngày ký báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

- Đơn giá báo giá đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại Kho Bệnh viện Quân y 103. Địa chỉ: số 261 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

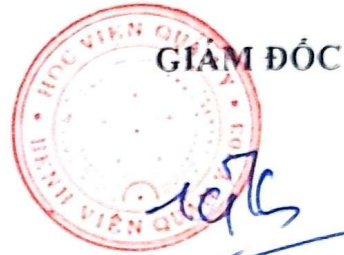
- Bảng báo giá kèm thông tin mô tả thông số kỹ thuật hàng hóa.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tài chính;
- Lưu: VT, HCKT. T04.



Đại tá Lương Công Thức

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ
 (Kèm theo Thư mời báo giá ngày 26/6/2024 của Bệnh viện Quân y 103)

| TT | Danh mục hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|----|-----------------------|-----|----------|--|
| 1 | Áo chăm sóc bệnh nhân | Cái | 410 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải thô biên đỏ hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: 83±5% Polyeste, 17±5% cotton. Khối lượng 1m² vải: 110 – 200 g; độ bền màu, dây màu cấp 4 – 5. - Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2,3,4. - Kiểu dáng: Áo Blouse cổ tròn, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo dưới gô 3-5cm, phía sau xẻ giữa tới ngang hông (Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế). - In: In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung (ĐK 8cm) và chữ “CHĂM SÓC BỆNH NHÂN” dưới vòng cung; màu đỏ; vị trí in ở ngực trái. In logo Bệnh viện Quân y 103 ở ống tay trái, gần vai. - Màu sắc: Màu vàng nhạt |
| 2 | Quần áo bệnh nhân kẻ | Bộ | 1.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải Phin kẻ sọc hoặc tương đương. - Tiêu chuẩn vải: ≤65±3 % Polyeste, ≥35±3 % cotton; độ bền màu cấp 4 – 5. Khối lượng 1m² vải 110-120g - Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2, 3, 4 - Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế. - In: In chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung (ĐK 8cm) và chữ “NGƯỜI BỆNH” dưới vòng cung; màu đỏ; vị trí in ở ngực trái. - Màu sắc: Màu xanh dương |

| TT | Danh mục hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|----|--------------------------------|-----|----------|--|
| 3 | Quần áo bệnh nhân truyền nhiễm | Bộ | 350 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải thô biên đỏ hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: 83±5% Polyeste, 17±5% cotton. Khối lượng 1m² vải: 110 – 200 g; độ bền màu, dây màu cấp 4 – 5. - Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2, 3, 4 - Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế. - In: In chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung (ĐK 8 cm) và chữ “NGƯỜI BỆNH” dưới vòng cung; màu đỏ; vị trí in ở ngực trái. - Màu sắc: Màu xanh hòa bình |
| 4 | Váy sản liền | Cái | 100 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải dạ kẻ caro hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: 100 % Polyeste; độ bền màu cấp 3 ở 60c là 4 - 5. - Kích thước: Cắt may theo cỡ số 3,4. - Kiểu dáng: Dáng suông, rộng tối thiểu phần trên 45 cm, phần dưới 65 cm, dài tối thiểu 100 cm, váy cổ tim chui đầu, không túi, xẻ tà hai bên, chiều dài tà 30 cm. Phần ngực váy hai bên khoét lỗ hình bán nguyệt theo chiều dọc, kích thước khoét lỗ chiều ngang 10cm, chiều dài cạnh hai bên 5cm, chiều dọc lỗ 10cm; Phía trên lỗ khoét may đai che lỗ, kích thước đai dài 16cm, chiều dài cạnh hai bên 8cm, chiều dài đến đỉnh đai 12cm. Đính 01 cúc cài chính giữa, cách mép lỗ 08 cm; 01 cúc cài ở cạnh phải, dưới phần đáy lỗ, cách đáy lỗ 01 cm; Đính 02 cúc bấm ở phần đai, tương ứng các cúc cài ở phần trên và phần dưới đáy lỗ. Đính cúc cài ở phần dưới lỗ. Đính dây buộc hai bên váy, cách phần dưới ống tay áo 20cm, may bằng vải cùng màu với 02 lớp vải, kích thước rộng tối thiểu 0,5 cm, chiều dài tối thiểu đạt 40cm. - Màu sắc: Kẻ caro màu xanh, tím, trắng |



| TT | Danh mục hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|----|-------------------|-----|----------|---|
| 5 | Chân váy | Cái | 250 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải Phin hoa hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: Thành phần 100% cotton; độ bền màu, dây màu cấp 4 - 5. - Kiểu dáng: Kiểu dáng váy suông, đường kính gấu váy 80 ± 10 cm, dài 90 ± 10 cm. |
| 6 | Ga trải giường | Cái | 1.800 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải thô biên đỏ hoặc tương đương; - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 83 ± 5 % Polyeste, 17 ± 5% cotton; khối lượng $1m^2$ vải: 120 – 180g; độ bền màu, dây màu cấp 4 – 5. - Kích thước: 1,48 x 2,5 m - In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103”, hình vòng cung (ĐK 8cm). Vị trí in ở góc phải của sản phẩm. - Màu sắc: Màu trắng |
| 7 | Vỏ chăn | Cái | 900 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải thô biên đỏ hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 83 ± 5 % Polyeste, 17 ± 5% cotton; khối lượng $1m^2$ vải: 120 – 180g; độ bền màu, dây màu cấp 4 – 5. - Kích thước: 1,48 x 2,1m. - In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103”, hình vòng cung (ĐK 8cm). Vị trí in ở góc sản phẩm. - Màu sắc: Màu trắng |
| 8 | Ruột chăn stanh | Cái | 100 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vỏ chăn:Vải phin bóng hoặc tương đương. Ruột chăn: Bông hóa học hoặc chất liệu tương đương - Tiêu chuẩn vải: Vải phin được sản xuất bằng chất liệu chính sợi polyester, sợi tơ tằm, sợi viscose.. - Kích thước, kiểu dáng: Kích thước: 1,48 x 2,1 m, độ dày chăn bông ≥ 4 cm, Trọng lượng $\geq 1,6$ kg. May chăn các đường chỉ máy, hình tròn ô quả trám kích thước 12cm |

| TT | Danh mục hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|----|-------------------|-----|----------|--|
| 9 | Áo choàng mổ | Cái | 520 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải Gabadin Peco hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 85±5% bông, 15±5% polyeste; khối lượng 1m² vải 140 - 160g; độ bền màu, dây màu giặt ở 60c là 4 - 5. - Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2, 3, 4. - Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế. - In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung ĐK 10cm và chữ “PHÒNG MỔ” dưới vòng cung, màu đỏ, ở ngực trái. - Màu sắc: Màu xanh tím |
| 10 | Quần áo lót mổ | Bộ | 900 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải thô hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 17±5% bông, 83±5% polyeste; khối lượng 1m² vải 200 - 250g; độ bền màu giặt cấp 3 ở 60c là 4 - 5. - Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2,3,4. - Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế (Áo cổ tim chui đầu, phía trước có 3 túi; quần tây túi chéo, cạp chun 2 bên. mũ, mạng). - In: Lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung và chữ “PHÒNG MỔ” dưới vòng cung; màu vàng; vị trí in ở ngực trái (ĐK 10cm) và sau lưng (ĐK 15cm). - Màu sắc: Màu xanh |



| TT | Danh mục hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|----|---------------------|-----|----------|---|
| 11 | Săng 0,8 x 0,8 m | Cái | 1.300 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải Kaki vân chéo 3/1 hoặc tương đương; - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 100% bông; khối lượng 1m² vải 250 - 300g; độ bền màu, dây màu giặt ở 40c là 4 - 5. - Kích thước: Theo thông số kích thước tên sản phẩm. - May gấp mép xung quanh, mép vải giấu phía trong, chiều rộng mép gấp: 0,8cm. - Đối với săng lỗ KT 0,8 x 0,8 m được khoét lỗ đường kính 8cm ở chính giữa và may gấp mép bo viền, chiều rộng viền 0,8cm. Đối với săng lỗ KT ≥ 1 m được khoét lỗ hình bầu dục đường kính 15 x 20 cm ở chính giữa và may gấp mép bo viền, chiều rộng viền 0,8cm. - In lưới chữ "BỆNH VIỆN QUÂN Y 103", hình vòng cung (ĐK 8cm), ở góc trên bên phải sản phẩm. - Màu sắc: Xanh cổ vịt. |
| 12 | Săng lỗ 0,8 x 0,8 m | Cái | 1.000 | |
| 13 | Săng 1,0 x 1,0 m | Cái | 950 | |
| 14 | Săng 1,2 x 1,4 m | Cái | 600 | |
| 15 | Săng 1,2 x 2,3 m | Cái | 30 | |
| 16 | Săng 1,5 x 1,8 m | Cái | 200 | |
| 17 | Săng lỗ 1,5 x 1,8 m | Cái | 300 | |
| 18 | Săng 1,0 x 1,2 m | Cái | 260 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải kaki vân chéo 3/1 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 65\pm5 % Polyeste, 35\pm5% cotton; khối lượng 1m² vải 275 - 280g; độ bền màu, dây màu cấp 4 - 5. - Kích thước: 1,0 x 1,2 m. - May gấp mép xung quanh, chiều rộng mép gấp: 0,8cm. - In lưới chữ "BỆNH VIỆN QUÂN Y 103", hình vòng cung (ĐK 8cm), ở góc trên bên phải sản phẩm. - Màu sắc: Màu trắng. |
| 19 | Săng ống | Cái | 220 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải kaki vân chéo 3/1 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 65\pm5 % Polyeste, 35\pm5% cotton; khối lượng 1m² vải 275 - 280g; độ bền màu, dây màu cấp 4 - 5. - Kiểu dáng: Dạng ống - Kích thước: Đường kính đầu trên 45 cm; Đường kính đầu dưới 35 cm; dài 90\pm5 cm. - Màu sắc: Màu trắng. |



| TT | Danh mục hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|----|------------------------|-----|----------|---|
| 20 | Săng bọc chân Catheter | Cái | 400 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải Kaki vân chéo 3/1 hoặc tương đương; - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 100% bông; khối lượng 1m² vải 250 - 300g; độ bền màu, dây màu giặt ở 40c là 4 - 5. - Kích thước, kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: 30 x 30 (± 2) cm. - May gấp mép xung quanh, mép vải giấu phía trong, chiều rộng mép gấp: 0,6 cm. - Xăng thừa 02 khuyết 15mm, 02 cúc ĐK 15 mm. Khuyết góc cách mép góc 20 mm, cúc đính tương ứng ở góc đối diện, khuyết cạnh cách khuyết góc 22 cm, cúc đính tương ứng ở cạnh kê bên. - In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung (ĐK 8cm). Vị trí in ở góc phải sản phẩm. - Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt. |
| 21 | Dây cố định bệnh nhân | Cái | 120 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải kaki vân chéo 3/1 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 65±5 % Polyeste, 35±5% cotton; khối lượng 1m² vải 275 - 280g; độ bền màu, dây màu cấp 4 - 5. - Kích thước: Dài 2,5m, rộng 0,04m; trong đó 1,6m ở giữa chân bông dày 0,02m, hai đầu dây không chân bông, may 02 lớp vải, mép vải giấu phía trong, chân 04 đường chỉ chéo. - Màu sắc: Màu ghi sáng. |
| 22 | Tạp dề | Cái | 960 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải kaki chống nước hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: 20 ±2 % Viscose, 80±2 % Polyester - Kích thước, kiểu dáng <ul style="list-style-type: none"> + Chiều rộng cổ: 22cm + Chiều cao phần thân trên: từ 25 -27 cm; Chiều cao phần thân dưới: từ 50-52 cm; Chiều rộng phần thân dưới: từ 80-82 cm + Dây choàng cổ: May hai lớp vải, chiều rộng 02 cm, chiều dài từ 57-60 cm |

| TT | Danh mục hàng hóa | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|----|---------------------|-----|----------|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> + Dây buộc hai bên thân áo, tính từ hai mép dưới thân trên tạp dề, mỗi dây may hai lớp vải, rộng 02 cm, chiều dài từ 60-65 cm + Các mép vải may giấu phía trong, chân 02 đường chỉ chắc chắn. - Màu sắc: Màu ghi xám |
| 23 | Túi vải đựng phim | Cái | 50 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải Kaki vân chéo 3/1 hoặc tương đương; - Tiêu chuẩn vải: Tỷ lệ thành phần nguyên liệu 100% bông; khối lượng 1m² vải 250 - 300g; độ bền màu, dây màu giặt ở 40c là 4 - 5. - Kích thước, kiểu dáng: + Kích thước: 41 x 50 (± 2) cm. - Kiểu dáng: dạng túi đựng - Miệng túi: May gấp mép xung quanh, mép vải giấu phía trong, chiều rộng mép gấp: 0,4 cm. - Cạnh túi: May gấp mép xung quanh, mép vải giấu phía trong, chân 02 đường chỉ cách mép cạnh túi 0,4 cm. - In lưới chữ "BỆNH VIỆN QUÂN Y 103" hình vòng cung (ĐK 8cm). Vị trí in ở góc phải sản phẩm. - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. |
| 24 | Túi đựng đồ vải bẩn | Cái | 50 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải bạt dù hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: Thành phần nguyên liệu chính: Coton, Polyester, sợi vải thô, sợi nhân tạo, có khả năng chống nước; trọng lượng ≥ 900 g/m². - Kích thước túi (DxRxC): 950 x 600 x 680 (±10) mm. Vạt phủ xuống 50 mm. - Miệng túi: cạnh dài có 4 tai móc, cạnh ngắn có 3 tai móc. Đáy túi: mỗi góc có 1 tai móc (tai móc bằng chất liệu inox hoặc thép không gỉ) - Màu sắc: Màu xanh tím than |

Tổng số: 24 khoản./.

